

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2025/HS-ST

Ngày 24/3/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Khánh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vi Thanh Cầm và bà Đặng Thị Xuân.

- Thư ký phiên toà: Bà Triệu Thị Yên, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên toà: Ông Đậu Xuân Hà và ông Trần Đức Chung, Kiểm sát viên.

Ngày 24/3/2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 64/2024/TLST-HS ngày 02/12/2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HS ngày 03/02/2025 đối với các bị cáo:

1. **Hoàng Quang P**, tên gọi khác: Không; sinh ngày 16/01/1986 tại tỉnh Bắc Kạn; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: **Tiểu khu A, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn**; nghề nghiệp: Viên chức; chức vụ trước khi phạm tội: Giám đốc **Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện B**; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Ma Thế T**, sinh năm 1958 và bà **Hoàng Thị S**, sinh năm 1964; vợ là **Trần Thị L**, sinh năm 1987, có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 21/01/2024 đến ngày 31/5/2024, sau đó được thay đổi và áp dụng biện pháp bảo lãnh cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa;

2. **Mac Văn C**, tên gọi khác: Không; sinh ngày 26/12/1986 tại tỉnh Bắc Kạn; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: **Thôn P, xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kạn**; nghề nghiệp: Viên chức; chức vụ trước khi phạm tội: Phó giám đốc **Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện B**; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Mac Văn H**, sinh năm 1961 và bà **Hoàng Thị C1**, sinh năm 1964; vợ là **Lý Thị L1**, sinh năm 1987, có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 04/01/2024 đến ngày 14/5/2024, sau đó được thay đổi và áp dụng biện pháp bảo lãnh cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa;

3. [Hoàng Văn T1](#), tên gọi khác: Không; sinh ngày 15/3/1979 tại tỉnh Bắc Kạn; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: [Thôn C, xã H, huyện B, tỉnh Bắc Kạn](#); nghề nghiệp: Chuyên viên Phòng Kinh tế và [Ha tầng huyện B](#); trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông [Hoàng Văn T2](#) (đã chết) và bà [Hoàng Thị V](#), sinh năm 1964; vợ là [Hoàng Thị T3](#), sinh năm 1984, có 01 con, sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa;

4. [Dương Văn X](#), tên gọi khác: Không; sinh ngày 02/9/1956 tại tỉnh Bắc Kạn; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: [Tiểu khu D, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn](#); nghề nghiệp: Kinh doanh xây dựng, Giám đốc [Công ty TNHH A](#); trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông [Dương Văn H1](#) (đã chết) và bà [Dương Thị T4](#) (đã chết); vợ là [Nguyễn Thị H2](#), sinh năm 1962, có 02 con, con lớn sinh năm 1983, con nhỏ sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa;

5. [Vũ Tiến H3](#), tên gọi khác: Không; sinh ngày 05/10/1979 tại tỉnh Thái Nguyên; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: [Tổ A, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn](#); nghề nghiệp: Kinh doanh xây dựng, Giám đốc [Công ty cổ phần T23](#); trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông [Vũ Trọng T5](#), sinh năm 1952 và bà [Hoàng Thị H4](#), sinh năm 1958; vợ là [Cao Thị Lê M](#), sinh năm 1980, có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa;

6. [Chu Thị T6](#), tên gọi khác: Không; sinh ngày 12/10/1988 tại tỉnh Bắc Kạn; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: [T, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn](#); nghề nghiệp: Viên chức (Kế toán) [Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện B](#); trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông [Chu Văn T7](#), sinh năm 1954 và bà [La Thị M1](#), sinh năm 1965; chồng là [Vi Quang T8](#), sinh năm 1987, có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 17/4/2024 đến ngày 09/9/2024, sau đó được thay đổi và áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa;

7. [Ma Văn H5](#), tên gọi khác: Không; sinh ngày 07/10/1976 tại tỉnh Bắc Kạn; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: [T, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn](#); nghề nghiệp: Công chức; Chức vụ trước khi phạm tội: [Trưởng phòng Kinh tế và Ha tầng huyện B](#); trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông [Ma Văn Đ](#) (đã chết) và bà [Hoàng Thị M2](#) (đã chết); Vợ là [Phùng Thị H6](#), sinh năm 1979, có 02 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

* **Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Quang P:** Ông Nguyễn Đức N và ông Đoàn Văn C2, Luật sư Công ty L2, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H. Địa chỉ: Số B N, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội. Ông N và ông C2 có mặt tại phiên tòa.

* **Người bào chữa cho bị cáo Chu Thị T6:** Ông Vũ T9 và ông Nguyễn Văn Đ1, Luật sư Công ty L3, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H. Địa chỉ: Khu tái định cư B, thôn G, xã U, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Ông T9 có mặt, ông Đ1 vắng mặt tại phiên tòa.

* **Nguyên đơn dân sự:** Ủy ban nhân dân (UBND) huyện B, tỉnh Bắc Kan. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Ngọc T10, sinh năm 1980, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện. Có mặt tại phiên tòa.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản huyện B. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nông Duy T11, sinh năm 1986, chức vụ: Phó Trưởng ban phụ trách. Có mặt tại phiên tòa;

2. Lưu Quốc T12, sinh năm 1977, trú tại: Tổ A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kan. Vắng mặt tại phiên tòa;

3. Phùng Xuân T13, sinh năm 1968, trú tại: Tổ G, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kan. Vắng mặt tại phiên tòa;

4. Bùi Thị T14, sinh năm 1987, trú tại: Tổ A, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kan. Có mặt tại phiên tòa;

5. Hoàng Văn N1, sinh năm 1989, trú tại: Tiểu khu H, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bắc Kan. Có mặt tại phiên tòa;

6. Dương Văn C3, sinh năm 1980, trú tại: Thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kan. Có mặt tại phiên tòa;

7. Hoàng Thị T15, sinh năm 1991, trú tại: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kan. Có mặt tại phiên tòa;

8. Triệu Đức P1, sinh năm 1986, trú tại: Thôn N, xã K, huyện B, tỉnh Bắc Kan. Có mặt tại phiên tòa;

9. Ma Quang H7, sinh năm 1992, trú tại: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kan. Vắng mặt tại phiên tòa;

10. Vi Quang T16, sinh năm 1987, trú tại: T, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bắc Kan;

11. Nguyễn Trọng M3, sinh năm 1979, trú tại: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kan. Vắng mặt tại phiên tòa;

12. Nguyễn Văn T17, sinh năm 1971, trú tại: Tổ A, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kan. Có mặt tại phiên tòa;

13. [Triều Văn D](#), sinh năm 1987, trú tại: [Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kạn](#). Có mặt tại phiên tòa;
14. [Hoàng Văn N2](#), sinh năm 1984, trú tại: [T, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn](#). Có mặt tại phiên tòa;
15. [Đào Văn T18](#), sinh năm 1979, trú tại: [Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kạn](#). Vắng mặt tại phiên tòa;
16. [Hoàng Văn Đ2](#), sinh năm 1991, trú tại: [Tổ A, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn](#). Có mặt tại phiên tòa;
17. [Trần Duyên T19](#), sinh năm 1992, trú tại: [Tổ C, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên](#). Vắng mặt tại phiên tòa;
18. [Hoàng Thị T20](#), sinh năm 1985, trú tại: [Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kạn](#). Có mặt tại phiên tòa;
19. [Ngô Viết C4](#), sinh năm 1987, trú tại: [T, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn](#). Vắng mặt tại phiên tòa;
20. [Mã Xuân Q](#), sinh năm 1986, trú tại: [T, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn](#). Vắng mặt tại phiên tòa;
21. [Nguyễn Văn H8](#), sinh năm 1984, trú tại: [T, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn](#). Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản huyện B](#) (Sau đây viết tắt là [Ban Q1](#)), tỉnh Bắc Kạn được thành lập theo Quyết định số 244/QĐ-UB ngày 03/5/2002 của Ủy ban nhân dân (UBND) [huyện B](#), theo đó Ban QLDA là đơn vị sự nghiệp công lập có tư cách pháp nhân, được sử dụng con dấu riêng để giao dịch. Trong thời điểm từ năm 2017 đến thời điểm ngày 03/01/2024, do [Hoàng Quang P](#) giữ chức vụ Phó Trưởng ban phụ trách, sau đó là Phó Giám đốc và là Giám đốc Ban QLDA, là người đại diện theo pháp luật và đồng thời là chủ tài khoản của đơn vị, người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán. Có các nhân viên gồm: [Mac Văn C](#) làm nhân viên kỹ thuật từ ngày 01/9/2011 đến ngày 04/4/2023 được bổ nhiệm làm Phó Giám đốc [Ban Q1](#); [Chu Thị T6](#) được phân công nhiệm vụ phụ trách công tác kế toán từ tháng 8/2016 đến tháng 7/2021 và làm Tổ trưởng tổ Hành chính - Kế toán từ tháng 8/2021 đến tháng 4/2024 và phụ trách kế toán của đơn vị. Ngoài ra, xác định [Ma Văn H5](#) từ thời điểm tháng 10/2015 đến tháng 6/2021 là Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng [huyện B](#) và ông [Hoàng Văn T1](#) từ năm 2010 đến tháng 02/2024 là chuyên viên phòng Kinh tế và Hạ tầng [huyện B](#).

Quá trình điều tra vụ án xác định, Ban QLDA và Phòng Kinh tế và [Hạ tầng huyện B](#) đã có các vi phạm quy định về các hành vi “*Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng*”; “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*” và “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*”, cụ thể như sau:

1. Đối với hành vi “*Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng*” và “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*”.

Ngày 21/11/2019, Ban QLDA có Quyết định số 355/QĐ-BQL về việc giao nhiệm vụ quản lý dự án, giám sát thi công xây dựng công trình, theo đó [Mạc Văn C](#) được phân công quản lý dự án và giám sát công trình [đường B](#) – Pác Nghè 1.

Ngày 17/12/2019, [UBND tỉnh B](#) có Quyết định 2534/QĐ-UBND về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình: [Đường B](#) – Pác Nghè 1 với tổng mức đầu tư là 4.005.000.000 đồng. Trong đó: Vốn ngân sách trung ương là 4.000.000.000 đồng và vốn nhân dân đóng góp là 5.000.000 đồng. Đồng thời công trình được Chủ tịch [UBND tỉnh B](#) ủy quyền cho [UBND huyện B](#) quyết định đầu tư dự án.

Ngày 17/01/2020, Ban QLDA ký hợp đồng số 19/2020/HĐTV-BQL với [Công ty Cổ phần T23](#) (Sau đây gọi là [Công ty T23](#)), có địa chỉ tại [tổ A, phường S, thành phố B](#) do [Vũ Tiến H3](#) làm Giám đốc, về việc tư vấn khảo sát lập báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình [Đường B - Pác N](#). Quá trình thực hiện tư vấn khảo sát, thiết kế [Công ty T23](#) thiết kế công trình có 02 kè đá xây bên trái và bên phải tuyến từ cọc TC15 đến cọc 21, nhưng tính toán bóc tách khối lượng và lập dự toán thì tính thiếu khối lượng 01 bên kè đá so với bản vẽ thiết kế.

Căn cứ báo cáo Kinh tế kỹ thuật, hồ sơ thiết kế, dự toán công trình do [Công ty H10](#), Ban QLDA đã có tờ trình số 56/TTr-BQL ngày 30/01/2020 đề nghị Phòng Kinh tế và Hạ tầng thẩm định gửi kèm hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình. Quá trình thẩm định do [Hoàng Văn T1](#) là chuyên viên Phòng Kinh tế và Hạ tầng được giao thẩm định công trình. Trong quá trình thẩm định, [T1](#) không phát hiện hồ sơ dự toán tính thiếu khối lượng hạng mục 01 bên kè so với hồ sơ thiết kế, bản vẽ thi công. Sau khi kiểm tra, thẩm định thì [T1](#) tham mưu cho [Ma Văn H5](#) là Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng ký tờ trình báo cáo kết quả thẩm định trình [UBND huyện B](#) phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình, trong đó bản vẽ thi công thiết kế xây dựng 02 kè đá xây, dự toán tính thiếu khối lượng 01 bên kè đá xây.

Đến ngày 31/01/2020, [UBND huyện B](#) ban hành Quyết định số 114/QĐ-UBND phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình [Đường B](#) – Pác Nghè 1 do ông [Cao Minh H9](#) là Chủ tịch UBND huyện ký, với nội dung phê duyệt như tờ trình của Phòng Kinh tế và Hạ tầng, với các nội dung gồm: Chủ đầu tư: Ban QLDA. Đơn vị tư vấn lập báo cáo kinh tế kỹ thuật là: [Công ty Cổ phần T23](#). Quy mô đầu tư: Tổng chiều dài tuyến 2.892,82m; Nền đường rộng 4m, mặt đường rộng 3m; lề đường 2x0,5m; Mặt đường BTXM mác 200 dày 16cm. Tổng mức đầu tư 4.005.000.000 đồng, trong đó: Chi phí xây dựng: 3.198.584.228 đồng; Chi

phí quản lý dự án: 85.386.509 đồng; Chi phí tư vấn xây dựng: 382.603.485 đồng; Chi phí khác: 96.052.645 đồng; Chi phí giải phóng mặt bằng (tạm tính): 192.012.000 đồng; Dự phòng 50.361.074 đồng.

Ngày 07/4/2020, [UBND huyện B](#) ban hành Quyết định số 615/QĐ-UBND về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với công trình nêu trên, trong đó Gói thầu: Thi công xây dựng được áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng và hình thức hợp đồng: “*Trọn gói*”.

Ngày 22/6/2020, Ban QLDA có Quyết định số 281/QĐ-BQL phê duyệt hồ sơ mời thầu. Hồ sơ mời thầu được đăng tải trên mạng đấu thầu quốc gia, đến ngày 06/7/2020 đóng thầu. Quá trình mời thầu có [Công ty TNHH A](#) (Sau đây gọi là [Công ty A V1](#)) có địa chỉ tại: [tiểu khu D, thị trấn C, huyện B](#) do [Dương Văn X](#) làm Giám đốc tham gia dự thầu. Khi lập hồ sơ dự thầu [Công ty A](#) không kiểm tra, nên không phát hiện khối lượng mời thầu tính thiếu so với hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, không đề xuất khối lượng tính thiếu so với hồ sơ thiết kế trong dự thầu. Sau đó kết quả lựa chọn nhà thầu, [Công ty A](#) trúng thầu gói thầu thi công xây dựng công trình [Bản P](#) – Pác Nghè 1 với giá trị trúng thầu là 2.878.971.000 đồng, giảm so với dự toán chi phí xây dựng phê duyệt là: 319.613.228 đồng. Ngày 14/7/2020, Ban QLDA có Quyết định số 345/QĐ-BQL phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu xây dựng công trình nêu trên đối với [Công ty A V1](#).

Ngày 10/7/2020, Ban QLDA và [Công ty A](#) lập biên bản thương thảo hợp đồng thi công xây dựng công trình [Bản P](#) – Pác Nghè 1. Quá trình thương thảo hợp đồng, rà soát hồ sơ trước khi ký hợp đồng thi công, thì chủ đầu tư và nhà thầu cũng không phát hiện tính thiếu khối lượng so với bản vẽ thiết kế với nội dung như nêu ở trên, nên không bổ sung khối lượng trước khi ký hợp đồng. Ngày 15/7/2020, [Ban Q1](#) và [Công ty A](#) ký hợp đồng thi công xây dựng số 286, giá trị hợp đồng là 2.878.971.000 đồng, hình thức “*Hợp đồng trọn gói*” và thời gian thực hiện hợp đồng là 210 ngày kể từ khi thông báo khởi công. Công trình do Ban QLDA giám sát thi công và [Mac Văn C](#) là cán bộ kỹ thuật của chủ đầu tư được phân công trực tiếp giám sát thi công.

Sau đó, trong quá trình thi công, [Công ty A V1](#) có phát hiện việc tính thiếu khối lượng 01 bên kè từ cọc TC15 đến cọc 21, thì [Dương Văn X](#) thông báo cho [Mac Văn C](#) biết và sau đó vẫn tiếp tục thi công xây 02 bên kè đá theo như hồ sơ thiết kế, bản vẽ thi công mời thầu và hoàn thành các công việc theo hợp đồng đã ký vào tháng 02/2021.

Sau khi xác định được chi phí xây dựng theo kết quả lựa chọn nhà thầu, Ban QLDA có công văn số đề nghị [U](#) lại cơ cấu vốn đầu tư dự án và trên cơ sở kết quả thẩm định của Phòng Kinh tế và Hạ tầng, ngày 30/12/2020 [UBND huyện B](#) ban hành quyết định số 3842/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh cơ cấu đầu tư xây dựng công trình [Đường B - Pác N](#). Cơ cấu vốn sau điều chỉnh như sau: Tổng mức đầu tư là 4.005.000.000 đồng trong đó: Chi phí xây dựng: 2.883.986.220 đồng (Nhà nước đầu tư là 2.878.971.000 đồng; nhân dân đóng góp

là 5.015.220 đồng). Chi phí quản lý dự án: 85.386.509 đồng. Chi phí tư vấn xây dựng: 382.603.485 đồng. Chi phí khác: 96.052.645 đồng. Chi phí giải phóng mặt bằng: 290.030.940 đồng. Dự phòng: 266.940.211 đồng.

Thời điểm đó [Mạc Văn C](#) thấy chi phí dự phòng của công trình vẫn còn tiền và có thể xin điều chỉnh bổ sung một số hạng mục ngoài hợp đồng thi công theo đề nghị của người dân và bổ sung khối lượng 01 bên kè đá học xây vữa xi măng mác 100 từ cọc TC15 đến cọc 21 tính thiếu so với bản vẽ thiết kế cho Nhà thầu. Sau đó [C](#) đã báo cáo [Hoàng Quang P](#) xin điều chỉnh, bổ sung và được [P](#) đồng ý. Để điều chỉnh, bổ sung vào khoảng cuối tháng 12/2020, [C](#) liên hệ [Vũ Tiến H3](#) thực hiện chỉnh sửa bản vẽ thi công công trình [đường B - P](#), cụ thể: Vẽ lại 04 tờ trắc ngang từ cọc TC15 đến cọc TD16. Trong đó, từ cọc TC15 đến cọc 21 (lý trình Km0+498,73m - Km0+583,8m) đang có thiết kế kè đá 02 bên tuyến đường thành bản vẽ trắc ngang có thiết kế 01 bên kè đá học xây vữa xi măng mác 100 (bên trái tuyến) theo hướng đường từ [Bản P đi P](#). Đồng thời, [C](#) lập biên bản kiểm tra hiện trường ngày 16/4/2021 với các thành phần tham gia gồm có: [Hoàng Quang P](#), [Mạc Văn C](#), [Vũ Tiến H3](#) và [Dương Văn X](#) và ghi nhận hiện trường từ cọc TC15 đến cọc 21 đã được bố trí 01 bên kè đá (kè bên trái tuyến), bên phải là taluy nền đắp và đề nghị bổ sung: “*Bổ sung 01 bên kè đá học từ cọc TC15 đến cọc 21 và các hạng mục phụ trợ cho phù hợp với địa hình, công năng sử dụng của công trình*”, biên bản được ông [P](#), [H3](#) và [X](#) ký xác nhận. Mặc dù thời điểm đó 02 bên đường kè đá học xây vữa xi măng đã được [Công ty A](#) thi công xong theo đúng hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công mời thầu. Ngày 27/4/2021, [C](#) đã tham mưu cho [P](#) ký ban hành công văn số 181/CV-BQL gửi [UBND huyện B](#) xin điều chỉnh, bổ sung 01 bên kè đá học xây vữa xi măng mác 100 từ cọc TC15 đến cọc 21 và các hạng mục phụ trợ công trình [đường B - P](#), kinh phí xây dựng lấy từ kinh phí dự phòng công trình trên cơ sở không vượt tổng mức đầu tư. Sau khi nhận công văn của Ban QLDA thì ông [Lưu Quốc T12](#), Chủ tịch [UBND huyện B](#) ký ban hành công văn số 1318/CV-UBND ngày 04/5/2021 giao cho Phòng Kinh tế và Hạ tầng chủ trì, phối hợp với [phòng T24](#), Ban QLDA và các đơn vị liên quan kiểm tra, tham mưu, đề xuất UBND huyện giải quyết đề nghị của Ban QLDA. Sau khi nhận được công văn số 1318/CV-UBND, thì [Ma Văn H5](#) là Trưởng phòng Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện giao cho [Hoàng Văn T1](#) là Chuyên viên phòng Kinh tế và hạ tầng thực hiện. Sau đó, [T1](#) cùng [C](#) kiểm tra thực tế hiện trường công trình, khi đó đã thi công hoàn thành việc xây dựng kè đá 02 bên đúng theo hồ sơ thiết kế mời thầu. Cầu có trao đổi với [T1](#) để hợp thức hồ sơ điều chỉnh, bổ sung khối lượng 01 bên kè đá xây đã thi công cho nhà thầu và được [T1](#) đồng ý và sau đó thống nhất việc điều chỉnh bổ sung các hạng mục. Đồng thời Cầu lập biên bản kiểm tra hiện trường ngày 11/5/2021 xác định hiện trạng: “*Tại đoạn tuyến từ cọc TC15 đến cọc 21 (Lý trình: km0+498.73 - km0+583.8m) đoạn này hoàn toàn qua ruộng, nền đường đắp hoàn toàn, đã được bố trí xây kè bằng đá học nhưng chỉ có 01 bên (kè bên trái tuyến), bên phải là taluy nền đắp. Trong quá trình thi công các hộ gia đình có ý kiến đồng ý hiến đất nhưng đề nghị hạn chế tối đa phạm*

vi chiếm dụng để gia đình còn có đất sản xuất, đảm bảo cuộc sống; Tại vị trí cống cọc TD37 (lý trình Km1+318.57 m) qua nhiều trận mưa vừa qua, kéo theo đất đá vùi lấp đất của 2 hộ [thôn P](#), gia đình yêu cầu xử lý phía hạ lưu cống tránh gây ảnh hưởng đến đất gia đình canh tác; Từ cọc P9 đến cọc TC15 (lý trình Km0+272.69 - Km0 +498.73m) có hiện tượng xói mòn sâu rãnh thoát nước đào tràn, cần được gia cố thêm để đảm bảo ổn định nền đường” và đề xuất phương án xử lý: “Bổ sung 01 bên xây kè bằng đá hộc từ cọc TC15 đến cọc 21 (Lý trình: Km0+498.73 - km0+583.8m) và các hạng mục phụ trợ kèm theo; Bổ sung gia cố hạ lưu tại vị trí cống cọc TD37 (Lý trình Km1+318.57 m); Bổ sung gia cố rãnh thoát nước bằng đá hộc hoặc đổ bê tông rãnh từ cọc P9 đến cọc TC15 (lý trình Km0+272.69 - Km0 +498.73m) rồi chuyển cho [T1](#) kiểm tra lại biên bản và đồng ý nội dung thì [C](#) tiến hành in biên bản cho các thành phần ký xác nhận gồm: Chủ đầu tư ([Hoàng Quang P](#)), đơn vị tư vấn thiết kế ([Vũ Tiến H3](#)), nhà thầu ([Dương Văn X](#)) và xin xác nhận của [UBND xã Đ](#) rồi chuyển biên bản lại cho [T1](#) và [T1](#) xin chữ ký của ông [Ma Văn H5](#) (Bản thân [H5](#) cũng không tham gia kiểm tra thực tế tại hiện trường) để lập thành biên bản kiểm tra đưa vào hồ sơ. Tiếp đó, đến ngày 10/6/2021, [Hoàng Văn T1](#) tham mưu cho [Ma Văn H5](#) ban hành báo cáo số 181/BC-KT&HT đề nghị [UBND huyện B](#) cho chủ trương điều chỉnh bổ sung công trình [đường B](#) – Pác Nghè 1 như kết quả kiểm tra nêu trên. Tuy nhiên, [H5](#) không kiểm tra đối chiếu với hồ sơ tài liệu mà Phòng Kinh tế và Hạ tầng thẩm định trước đó (Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công thẩm định khi phê duyệt ban đầu đã được thiết kế 02 kè đá xây từ cọc TC15 đến cọc 21) mà ký báo cáo thẩm định công trình đủ điều kiện điều chỉnh, bổ sung đề nghị [UBND huyện B](#) cho phép điều chỉnh, bổ sung các hạng mục theo đề nghị của Ban QLDA.

Căn cứ kết quả thẩm định của Phòng Kinh tế và Hạ tầng, ông [Luu Quốc T12](#), Chủ tịch [UBND huyện B](#) có văn bản số 1846/UBND-VP đồng ý chủ trương điều chỉnh bổ sung công trình [đường B](#) – Pác Nghè 1 theo báo cáo số 181/BC-KT&HT ngày 10/6/2021 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng và giao cho Ban QLDA thực hiện lập hồ sơ điều chỉnh bổ sung, thẩm định phê duyệt đảm bảo tiến độ và chất lượng.

Ngoài ra, trong thời gian xin UBND huyện điều chỉnh, bổ sung công trình, [C](#) trao đổi với [H3](#) là đơn vị tư vấn thiết kế lập hồ sơ điều chỉnh bổ sung để khi nào có chủ trương thì sẽ có hồ sơ trình. Sau đó, [H3](#) có 02 lần đến hiện trường công trình để kiểm tra thực tế và đo đạc để làm hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công điều chỉnh, bổ sung. Sau khi kiểm tra [H3](#) tiến hành lập hồ sơ điều chỉnh bổ sung gửi cho Ban QLDA.

Ngày 14/9/2021, Ban QLDA tiếp tục có tờ trình số 531/TTr-BQL đề nghị Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện thẩm định điều chỉnh, bổ sung báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình (Kèm theo bộ hồ sơ điều chỉnh, bổ sung do [Công ty H10](#)). Sau đó, Phòng Kinh tế và Hạ tầng có báo cáo thẩm định số 426/BC-KT&HT ngày 21/9/2021 gửi [UBND huyện B](#). Ngày 22/9/2021 ông [Luu Quốc T12](#), Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 4447/QĐ-UBND phê duyệt điều chỉnh, bổ

sung báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình, nội dung điều chỉnh bổ sung: “*Bổ sung 01 bên xây kè bằng đá hộc từ cọc TC15 đến cọc 21 (Lý trình: Km0+498.73 - Km0+583.8m) và các hạng mục phụ trợ kèm theo; Bổ sung gia cố hạ lưu tại vị trí cống cọc TD37 (Lý trình Km1+318.57 m); Bổ sung gia cố rãnh thoát nước bằng bê tông từ cọc TC9 đến TC15*” với tổng mức đầu tư sau điều chỉnh: 4.005.000.000đ (Bốn tỷ, không trăm linh năm triệu đồng) trong đó có chi phí xây dựng tăng thêm 249.050.280đ (Hai trăm ,bốn mươi chín triệu, không trăm năm mươi nghìn, hai trăm tám mươi đồng).

Sau khi được UBND huyện phê duyệt điều chỉnh, bổ sung, Ban QLDA và [Công ty A](#) ký Phụ lục hợp đồng số 247 ngày 22/9/2021 điều chỉnh giá hợp đồng thi công tăng thêm 249.005.216 đồng. Trong đó, hạng mục kè đá có giá trị là 170.892.911 đồng. Tổng giá trị hợp đồng sau điều chỉnh là 3.127.976.216 đồng. Công trình [đường B - Pác N](#) được nghiệm thu hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng ngày 14/12/2021 và được [UBND huyện B](#) phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành theo quyết định số 2952/QĐ-UBND ngày 30/9/2022. Trong đó, có quyết toán phần bổ sung 01 bên kè đá có trong bản vẽ thiết kế mời thầu.

Ngày 29/11/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến khám nghiệm hiện trường tại khu vực công trình [đường B - Pác N](#) và tiến hành trưng cầu giám định theo quy định.

Tại bản kết luận giám định tư pháp số 01/KLGD-TTQH ngày 02/01/2024 của Trung tâm quy hoạch và kiểm định xây dựng, [Sở xây dựng tỉnh B](#) kết luận:

“...6.1. Việc [Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng huyện B](#) và các đơn vị có liên quan thực hiện điều chỉnh, bổ sung xây dựng 01 bên kè xây đá hộc từ cọc TC15 đến cọc 21 (lý trình Km0+498,73 – Km0+583,8m) công trình [đường B \(xã T\) - Pác Nghè 1 \(xã Đ\) huyện B](#) là không đúng quy định so với hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được [Ủy ban nhân dân huyện B](#) phê duyệt tại Quyết định số 114/QĐ-UBND ngày 31/01/2020 và không đúng theo quy định tại Điều 61, Điều 84 Luật xây dựng năm 2014; Điều 19 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.

6.2. Việc [Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng huyện B](#) điều chỉnh, bổ sung hợp đồng xây dựng, thanh toán, quyết toán hợp đồng xây dựng bao gồm 01 bên kè xây đá hộc được bổ sung từ cọc TC15 đến cọc 21 (lý trình Km0+498,73 – Km0+583,8m) công trình [đường B \(xã T\)- Pác Nghè 1 \(xã Đ\) huyện B](#) là không đúng so với quy định tại Luật đấu thầu; Nghị định số 37/2015/NĐ-CP CP ngày 22/04/2015 của Chính phủ.

6.3. Số tiền thanh toán, quyết toán sai quy định được xác định theo hồ sơ quyết toán đã được duyệt tại Quyết định số 2952/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 phần điều chỉnh, bổ sung xây dựng 01 bên kè xây đá hộc từ cọc TC15 đến cọc 21

(lý trình Km0+498,73 – Km0+583,8m) là 170.892.911đ (Bằng chữ: Một trăm bảy mươi triệu, tám trăm chín mươi hai nghìn, chín trăm mười một đồng)”.

Đối với [Ma Văn H5](#), Trưởng phòng Phòng Kinh tế và Hạ tầng là người có chức vụ, quyền hạn và với tư cách là Trưởng phòng, quản lý mọi hoạt động chung của phòng và đơn vị trực tiếp tham mưu cho [UBND huyện B](#) trong việc thẩm định cũng như phối hợp với Ban QLDA, để thực hiện việc đầu tư xây dựng công trình [đường B - Pác N](#). Mặc dù quá trình thực hiện [H5](#) đã giao cho [Hoàng Văn T1](#) là chuyên viên của phòng được giao thẩm định dự án. Tuy nhiên, bản thân [H5](#) khi trực tiếp ký các văn bản tham mưu cho UBND huyện để đầu tư xây dựng công trình nêu trên, thì [H5](#) không tiến hành kiểm tra, đối chiếu hồ sơ mà chỉ xem xét các căn cứ, thủ tục pháp lý và ký duyệt, nên không biết là hồ sơ bản vẽ thi công có mấy kè đá xây (Thực tế hồ sơ thiết kế đã có 02 kè và đơn vị thi công cũng đã thi công 02 kè).

Khi được [UBND huyện B](#) giao cho Phòng Kinh tế và Hạ tầng chủ trì, phối hợp với [phòng T24](#), Ban QLDA và các đơn vị liên quan kiểm tra, tham mưu, đề xuất UBND huyện giải quyết đề nghị của Ban QLDA, thì [H5](#) giao cho [T1](#) nghiên cứu, thực hiện và bản thân không trực tiếp tham gia kiểm tra hiện trường công trình [đường B](#) – Bản Nghè 1 vào ngày 11/5/2021, nhưng vẫn ký xác nhận, để sau đó ký báo cáo thẩm định và tờ trình tham mưu cho [UBND huyện B](#) cho chủ trương điều chỉnh, bổ sung 01 bên kè từ cọc TC15 đến cọc 21 công trình [đường B - Pác N](#) trái quy định. Dẫn đến gây thất thoát tài sản của Nhà nước với số tiền là 170.892.911 đồng.

2. Đối với hành vi “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

Quá trình điều tra xác định, trong các năm từ năm 2020 đến năm 2022, [Hoàng Quang P](#) đã trao đổi, chỉ đạo [Chu Thị T6](#) cân đối các nguồn kinh phí của Ban QLDA để có tiền chi cho các khoản của Ban QLDA không đúng quy định, không có trong quy chế chi tiêu nội bộ, như chi tiếp khách, hội họp, chi cho nhà báo, mua quà các ngày lễ, tết, mua đồ thấp hương tại đơn vị... Khi cần chi tiền, [P](#) yêu cầu [T6](#) lấy kinh phí của Ban QLDA để chi và giao cho [T6](#) lập chứng từ để hợp thức nguồn tiền cho các khoản đã chi. Do đó, trong quá trình thực hiện việc mua sắm, sửa chữa máy móc, thiết bị với hộ kinh doanh của ông [Hoàng Văn N1](#), sinh năm 1989, trú tại: [tiểu khu I, thị trấn C, huyện B](#) và [Trung tâm T25](#) do ông [Phùng Xuân T13](#), sinh năm 1968, trú tại: [tổ G, phường Đ, thành phố B](#) làm Giám đốc, thì [T6](#) đã đề nghị ông [N1](#) và bà [Bùi Thị T14](#), sinh năm 1987, trú tại: [tổ A, phường P, thành phố B](#) là nhân viên [Trung tâm T25](#) nâng khống giá trị tiền thanh toán trên một số hoá đơn của các hợp đồng mua sắm, sửa chữa với tổng số tiền 124.745.000 đồng. Sau khi nhận được hoá đơn, [T6](#) lập các chứng từ thanh toán trình [P](#) ký và thanh toán từ tài khoản của Ban QLDA vào tài khoản của hộ kinh doanh [Hoàng Văn N1](#) và [Trung tâm T25](#). Sau khi nhận được tiền thì ông [N1](#)

và ông [T13](#) chuyển khoản lại số tiền viết khống vào tài khoản cá nhân của [T6](#) với tổng số tiền 119.820.000 đồng, cụ thể:

2.1 Thanh toán tiền mua mua sắm, lắp đặt điều hòa nhiệt độ theo hóa đơn bán hàng số 0084678 ngày 26/6/2020 và tiền mua sắm tủ lạnh theo hóa đơn bán hàng số 0084682 ngày 29/6/2020 của [Trung tâm T25](#) với tổng số tiền 110.190.000 đồng. Số tiền [Chu Thị T6](#) yêu cầu nâng khống là 49.265.000 đồng và sau khi được Thuyên thanh toán, [Phùng Xuân T13](#) chuyển lại số tiền 44.340.000 đồng vào tài khoản [ngân hàng A1](#) của [T6](#) và [T13](#) giữ lại số tiền 4.925.000 đồng tiền công và thanh toán thuế;

2.2 Thanh toán tiền mua bộ máy tính ĐNA theo hóa đơn bán hàng số 0085544 ngày 02/3/2020 của hộ kinh doanh [Hoàng Văn N1](#) với số tiền 14.500.000 đồng. Số tiền [Chu Thị T6](#) yêu cầu nâng khống là 12.500.000 đồng, sau khi được Thuyên thanh toán thì ông [N1](#) chuyển lại số tiền 12.500.000 đồng vào tài khoản [ngân hàng A1](#) của [T6](#);

2.3 Thanh toán tiền sửa chữa, linh kiện máy vi tính, máy in văn phòng theo hóa đơn bán hàng số 0071977 ngày 03/8/2020 của hộ kinh doanh [Hoàng Văn N1](#) với số tiền 16.150.000 đồng. Số tiền [Chu Thị T6](#) yêu cầu nâng khống là 9.500.000 đồng, sau khi được Thuyên thanh toán thì ông [N1](#) chuyển lại số tiền 9.500.000 đồng vào tài khoản [ngân hàng A1](#) của [T6](#);

2.4 Thanh toán tiền sửa chữa, linh kiện máy vi tính, máy in văn phòng theo hóa đơn bán hàng số 0076822 ngày 19/11/2020 của hộ kinh doanh [Hoàng Văn N1](#) với số tiền 17.330.000 đồng. Số tiền [Chu Thị T6](#) yêu cầu nâng khống là 10.760.000 đồng, sau khi được Thuyên thanh toán thì ông [N1](#) chuyển lại số tiền 10.760.000 đồng vào tài khoản [ngân hàng A1](#) của [T6](#);

2.5 Thanh toán tiền sửa chữa, thay thế thiết bị máy phô tô theo hóa đơn bán hàng số 0011671 ngày 26/12/2020 của [Trung tâm T25](#) với tổng số tiền 14.700.000 đồng. Số tiền [Chu Thị T6](#) yêu cầu nâng khống là 2.300.000 đồng, sau khi được Thuyên thanh toán thì ông [Phùng Xuân T13](#) chuyển lại số tiền 2.300.000 đồng vào tài khoản [ngân hàng V2](#) của [T6](#);

2.6 Thanh toán tiền mua máy scan Plustek SamrtOffie PS388 theo hóa đơn bán hàng số: 0027184 ngày 25/01/2021 của [Trung tâm T25](#) với tổng số tiền 15.800.000 đồng. Số tiền [Chu Thị T6](#) yêu cầu nâng khống là 3.800.000 đồng, sau khi được Thuyên thanh toán thì ông [Phùng Xuân T13](#) chuyển lại số tiền 3.800.000 đồng vào tài khoản [ngân hàng V2](#) của [T6](#);

2.7 Thanh toán tiền sửa chữa, linh kiện máy vi tính, máy in văn phòng theo hóa đơn bán hàng số 0031257 ngày 08/4/2021 của hộ kinh doanh [Hoàng Văn N1](#) với số tiền 17.220.000 đồng. Số tiền [Chu Thị T6](#) yêu cầu nâng khống là 10.920.000 đồng, sau khi được Thuyên thanh toán thì ông [N1](#) chuyển lại số tiền 10.920.000 đồng vào tài khoản [ngân hàng A1](#) của [T6](#);

2.8 Thanh toán tiền sửa chữa máy vi tính, máy in văn phòng theo hóa đơn bán hàng số 0036198 ngày 09/11/2021 và hóa đơn bán hàng số 0036185 ngày 25/10/2021 của hộ kinh doanh [Hoàng Văn N1](#) với số tiền 43.958.000 đồng. Số tiền [T6](#) yêu cầu nâng khống là 18.200.000 đồng, sau khi được Thuyên thanh toán thì ông [N1](#) chuyển lại số tiền 18.200.000 đồng vào tài khoản [ngân hàng A1](#) của [T6](#);

2.9 Thanh toán tiền sửa chữa, linh kiện máy vi tính, máy in văn phòng theo hóa đơn bán hàng số 00000052 ngày 02/6/2022 của hộ kinh doanh [Hoàng Văn N1](#) với số tiền 17.500.000 đồng. Số tiền [T6](#) yêu cầu nâng khống là 7.500.000 đồng, sau khi được [T6](#) thanh toán thì ông [N1](#) chuyển số tiền 7.500.000 đồng vào tài khoản [ngân hàng A1](#) của [T6](#).

Để hoàn thiện các bộ chứng từ thanh quyết toán nêu trên, thì [T6](#) nhờ ông [Triệu Đức P1](#), chị [Hoàng Thị T15](#) và ông [Ma Quang H7](#) là cán bộ của Ban QLDA ký vào các giấy đề xuất, hóa đơn bán hàng, giấy đề nghị thanh toán... để hoàn thiện bộ thủ tục, chứng cứ thanh toán. Toàn bộ số tiền [T6](#) nhận lại từ việc nâng khống các hợp đồng mua sắm, sửa chữa nêu trên là 119.820.000 đồng, được sử dụng chi cho các khoản chi của Ban QLDA không đúng quy định theo chỉ đạo của [Hoàng Quang P](#).

Hành vi của [Hoàng Quang P](#) và [Chu Thị T6](#) đã vi phạm các quy định của Luật ngân sách nhà nước, Luật kế toán năm 2015 và các quy định pháp luật khác như:

Khoản 3 Điều 18 Luật ngân sách nhà nước quy định các hành vi bị cấm trong lĩnh vực ngân sách nhà nước: “3. ...*Chi sai chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi, không đúng mục đích; tự đặt ra các khoản chi trái với quy định của pháp luật...*”.

Điều 61 Luật ngân sách nhà nước quy định: “1. *Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm về việc quản lý, sử dụng ngân sách theo dự toán được giao, ..., bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm, đúng chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách.* 2. *Người phụ trách công tác tài chính, kế toán tại đơn vị sử dụng ngân sách có nhiệm vụ thực hiện đúng chế độ quản lý tài chính - ngân sách, chế độ kế toán nhà nước, ...*”.

Khoản 3, 5 Điều 6 Luật kế toán quy định nguyên tắc kế toán: “3. *Đơn vị kế toán phải thu thập, phản ánh khách quan, đầy đủ, đúng thực tế và đúng kỳ kế toán mà nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh...* 5. *Đơn vị kế toán phải sử dụng phương pháp đánh giá tài sản và phân bổ các khoản thu, chi một cách thận trọng, không được làm sai lệch kết quả hoạt động kinh tế, tài chính của đơn vị kế toán*”.

Khoản 1, 2 Điều 13 Luật kế toán quy định các hành vi bị nghiêm cấm: “1. *Giả mạo, khai man hoặc thỏa thuận, ...người khác giả mạo, khai man, tẩy xóa chứng từ kế toán hoặc tài liệu kế toán khác.* 2. *Cố ý, thỏa thuận...người khác cung cấp, xác nhận thông tin, số liệu kế toán sai sự thật*”.

Khoản 3 Điều 50 Luật kế toán quy định trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán: “3. Tổ chức và chỉ đạo thực hiện công tác kế toán trong đơn vị kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán và chịu trách nhiệm trực tiếp về hậu quả của những sai phạm do mình gây ra; chịu trách nhiệm liên đới đối với những sai phạm do người khác gây ra nhưng thuộc trách nhiệm quản lý của mình.”...

Tại bản Cáo trạng số: 60/CT-VKSBK-P1 ngày 29/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn truy tố: Bị cáo [Hoàng Quang P](#) về tội “Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 224 của Bộ luật hình sự (BLHS) và tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 356 của BLHS; Bị cáo [Mạc Văn C](#), [Hoàng Văn T1](#), [Dương Văn X](#) và [Vũ Tiến H3](#) về tội “Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 224 của BLHS; Bị cáo [Chu Thị T6](#) về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 356 của BLHS; Bị cáo [Ma Văn H5](#) về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” quy định tại điểm d khoản 1 Điều 360 của BLHS.

Điều 224 BLHS quy định:

“1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn thực hiện một trong những hành vi sau đây, gây thiệt hại từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc dưới 100.000.000 đồng nhưng đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) ...;

b) Lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán, điều chỉnh dự toán, nghiệm thu công trình sử dụng vốn của Nhà nước trái với quy định của Luật Xây dựng;

...

4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

Điều 356 BLHS quy định:

“1. Người nào vì vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác mà lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái công vụ gây thiệt hại về tài sản từ 10.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, ...thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

a)

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

...

4. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng”.

Điều 360 BLHS quy định:

“1. Người nào có chức vụ, quyền hạn vì thiếu trách nhiệm mà không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nhiệm vụ được giao thuộc một trong các trường hợp sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại các điều 179, 308 và 376 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 05 năm:

a) ...;

d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.

...

4. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn giữ nguyên nội dung cáo trạng truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

Áp dụng điểm b khoản 1, khoản 4 Điều 224; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS. Xử phạt bị cáo [Hoàng Quang P](#) từ 12 đến 18 tháng tù về tội “Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng”. Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54; Điều 38 BLHS. Xử phạt bị cáo [P](#) từ 24 đến 28 tháng tù về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Cấm bị cáo [P](#) đảm nhiệm chức vụ liên quan đến đầu tư, xây dựng và tài chính trong thời gian từ 01 đến 02 năm. Áp dụng Điều 55 BLHS để tổng hợp hình phạt và được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 21/01/2024 đến ngày 31/5/2024;

Đối với bị cáo [Hoàng Văn T1](#) và [Mạc Văn C](#): Áp dụng điểm b khoản 1, khoản 4 Điều 224; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 65 BLHS. Xử phạt các bị cáo từ 12 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách nhân đôi. Cấm các bị cáo đảm nhiệm chức vụ liên quan đến đầu tư, xây dựng và tài chính trong thời gian 01 đến 02 năm;

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 224; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 65 BLHS. Xử phạt bị cáo [Vũ Tiến H3](#) từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách nhân đôi. Không áp dụng hình phạt bổ sung;

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 224; điểm b, s, v và x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 BLHS. Xử phạt bị cáo [Dương Văn X](#) từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo và không áp dụng hình phạt bổ sung;

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54; Điều 38 BLHS. Xử phạt bị cáo [Chu Thi T6](#) từ 24 đến 26 tháng tù, được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 17/4/2024 đến

ngày 09/9/2024. Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ liên quan đến đầu tư, xây dựng và tài chính trong thời gian từ 01 đến 02 năm;

Áp dụng điểm d khoản 1, khoản 4 Điều 360; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 BLHS. Xử phạt bị cáo [Ma Văn H5](#) từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ thu nhập đối với bị cáo [H5](#) từ 5% đến 08% trên lương của bị cáo. Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ liên quan đến đầu tư, xây dựng và tài chính trong thời gian từ 01 đến 02 năm.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo [Hoàng Quang P](#), [Mạc Văn C](#), [Hoàng Văn T1](#), [Dương Văn X](#), [Vũ Tiến H3](#) và [Ma Văn H5](#) liên đới bồi thường số tiền 170.892.911 đồng [UBND huyện B](#). Buộc các bị cáo [P](#), [Chu Thị T6](#) và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông [Phùng Xuân T13](#) phải có trách nhiệm bồi thường số tiền 124.745.000 đồng cho [UBND huyện B](#). Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường, khắc phục hậu quả của các bị cáo tại phiên tòa.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu hóa giá sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8plus và 01 máy tính laptop của [Chu Thị T6](#). Tạm giữ khoản tiền các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu, đề nghị HĐXX xem xét cho các bị cáo hưởng hình phạt nhẹ nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

Người bào chữa cho các bị cáo [Hoàng Quang P](#) và [Chu Thị T6](#) đều nhất trí với nội dung Cáo trạng và Luận tội của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn. Tuy nhiên, phần quyết định hình phạt người bào chữa cho bị cáo [P](#) đề nghị HĐXX miễn hình phạt về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” và 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng” đối với bị cáo [P](#). Người bào chữa cho bị cáo [T6](#) đề nghị HĐXX miễn hình phạt về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” đối với bị cáo [T6](#).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên toà, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở khẳng định:

Trong các năm 2020 đến 2021, quá trình lập, thẩm định, đấu thầu, giám sát và thi công công trình dự án [đường B - P, huyện B](#) theo các Quyết định của [UBND tỉnh B](#) và [UBND huyện B](#). Khi hồ sơ mời thầu công trình nêu trên được đăng tải trên mạng đấu thầu Quốc gia và khi lập hồ sơ dự thầu và trúng thầu, thương thảo hợp đồng [Công ty A](#) và chủ đầu tư là Ban QLDA không phát hiện khối lượng tính thiếu so với bản vẽ thiết kế tại hạng mục kè đá học xây vừa xi măng mác 100 từ Cọc TC15 đến cọc 21 được thiết kế 02 (hai) kè (*bên trái và bên phải tuyến*) nhưng khối lượng trong hồ sơ mời thầu chỉ tính 01 (một) kè, nên không bổ sung khối lượng trước khi ký hợp đồng. Trong quá trình thi công công trình nêu trên theo hình thức hợp đồng trọn gói, thì [Công ty A V1](#) phát hiện việc tính thiếu khối lượng 01 (một) bên kè từ cọc TC15 đến cọc 21, nhưng [Công ty A V1](#) vẫn thực hiện thi công xây hai bên kè đá học xây vừa xi măng mác 100 từ cọc TC15 đến cọc 21 theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công mời thầu và được hoàn thành trong tháng 12/2020. Do có sai sót trong việc tính thiếu khối lượng, nên [Dương Văn X](#) là giám đốc [Công ty A V1](#) thông báo cho [Mac Văn C](#) biết và sau đó [X](#) cùng với [C](#), [Hoàng Quang P](#), [Hoàng Văn T1](#), [Vũ Tiến H3](#) đã cùng nhau tiến hành lập, thẩm định và tham mưu cho [UBND huyện B](#) tiến hành phê duyệt điều chỉnh, bổ sung công trình [đường B](#) – Pắc Nghè 1 với nội dung “*Bổ sung 01 bên xây kè bằng đá học từ cọc TC15 đến cọc 21 (Lý trình: Km0+498.73 - Km0+583.8m) và các hạng mục phụ trợ kèm theo; ...*” từ nguồn kinh phí dự phòng công trình trên. Sau đó, Ban QLDA tiếp tục tiến hành việc ký phụ lục hợp đồng số 247 ngày 22/9/2021 với [Công ty A](#) điều chỉnh giá hợp đồng thi công tăng thêm 249.005.216đ (Hai trăm, bốn mươi chín triệu, không trăm không năm nghìn, hai trăm mười sáu đồng) là trái quy định của Luật xây dựng, Luật đấu thầu. Dẫn đến gây thất thoát tài sản của Nhà nước với số tiền là 170.892.911đ (Một trăm bảy mươi triệu, tám trăm chín mươi hai nghìn, chín trăm mười một đồng). Hành vi nêu trên của [P](#), [C](#), [T1](#), [X](#) và [H3](#) đủ yếu tố cấu thành tội “*Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 224 của BLHS.

Đối với [Ma Văn H5](#), Trưởng phòng Phòng Kinh tế và Hạ tầng là người có chức vụ, quyền hạn và là đơn vị trực tiếp tham mưu cho [UBND huyện B](#) trong việc thẩm định, cũng như phối hợp với Ban QLDA để thực hiện việc đầu tư xây dựng công trình [đường B - Pắc N](#). Bản thân [H5](#) khi trực tiếp ký các văn bản tham mưu cho UBND huyện, [H5](#) không tiến hành kiểm tra, đối chiếu hồ sơ, mà chỉ xem xét các căn cứ, thủ tục pháp lý và ký duyệt nên không biết là hồ sơ bản vẽ thi công có mấy kè đá xây (Thực tế hồ sơ thiết kế đã có 02 kè và đơn vị thi công cũng đã thi công 02 kè). Khi Ban QLDA có văn bản gửi [UBND huyện B](#) xin điều chỉnh, bổ sung 01 (một) bên kè đá học và [UBND huyện B](#) giao cho Phòng Kinh tế và Hạ tầng chủ trì, phối hợp với phòng ban chuyên môn kiểm tra, tham mưu, đề xuất, thì [H5](#) tiếp tục giao cho [Hoàng Văn T1](#) nghiên cứu, thực hiện, bản thân

không trực tiếp tham gia kiểm tra hiện trường thi công công trình [đường B - Pác N](#) vào ngày 11/5/2021, nhưng vẫn ký xác nhận. Rồi sau đó ký báo cáo thẩm định và tờ trình tham mưu cho [UBND huyện B](#) cho chủ trương điều chỉnh, bổ sung 01 (một) bên lề từ cọc TC15 đến cọc 21 công trình trên trái quy định của Luật xây dựng, Luật đấu thầu gây thất thoát tài sản của Nhà nước với số tiền là 170.892.911đ (Một trăm bảy mươi triệu, tám trăm chín mươi hai nghìn, chín trăm mười một đồng). Do đó, hành vi của [H5](#) đủ yếu tố cấu thành tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*” quy định tại điểm d khoản 1 Điều 360 của BLHS.

Trong các năm từ năm 2020 đến năm 2022, [Hoàng Quang P](#) trao đổi, chỉ đạo [Chu Thị T6](#) cân đối các nguồn kinh phí của Ban QLDA để có tiền chi cho các khoản của Ban QLDA không đúng quy định như chi tiếp khách, hội họp, mua quà các ngày lễ, tết...tại đơn vị. Sau đó, trong quá trình mua sắm, sửa chữa máy móc, thiết bị phục vụ cho hoạt động của Ban QLDA với hộ kinh doanh [Hoàng Văn N1](#) và [Trung tâm T25](#), [T6](#) đã nâng khống giá trị tiền thanh toán 09 (chín) bộ chứng từ các hợp đồng mua sắm, sửa chữa với tổng số tiền 124.745.000đ (Một trăm, hai mươi tư triệu, bảy trăm, bốn mươi năm nghìn đồng) và nhận được số tiền 119.820.000đ (Một trăm, mười chín triệu, tám trăm, hai mươi nghìn đồng) để chi cho các khoản hoạt động của Ban QLDA không đúng quy định. Do đó, hành vi của [P](#) và [T6](#) nâng khống giá trị tiền thanh toán 09 bộ chứng từ các hợp đồng mua sắm, sửa chữa để rút và chi sai quy định, gây thiệt hại tổng số tiền 124.745.000 đồng đủ yếu tố cấu thành tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 356 của BLHS.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi của [Hoàng Quang P](#), [Mạc Văn C](#), [Hoàng Văn T1](#), [Dương Văn X](#), [Vũ Tiên H3](#) và [Ma Văn H5](#) đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về đầu tư, xây dựng, về quản lý ngân sách, gây thất thoát tài sản của nhà nước; hành vi của [P](#) và [Chu Thị T6](#) đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về tài chính kế toán, về quản lý ngân sách, gây thất thoát tài sản của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức. Do đó, cần áp dụng pháp luật hình sự để xử lý, nhằm răn đe bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là đồng phạm giản đơn, không có tổ chức. Do đó, các bị cáo phải chịu chung trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội của bản thân.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo trong vụ án:

Về nhân thân, tình tiết tăng nặng: Các bị cáo trong vụ án đều có nhân thân tốt và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải thừa nhận toàn bộ hành vi của mình. Quá trình điều tra các bị cáo và tác động người nhà tự nguyện nộp 01 khoản tiền vào Cục thi hành án tỉnh dân sự tỉnh Bắc Kạn để khắc phục hậu quả, cụ thể: Ngày 04/3/2024 [Dương Văn X](#) nộp số tiền 170.892.911 đồng; ngày 15/10/2024 [Mac Văn C](#) nộp số tiền 10.000.000 đồng; ngày 16/10/2024 [Vũ Tiến H3](#) nộp số tiền 50.000.000 đồng; ngày 08, 21/10/2024 bà [Trần Thị L](#) (vợ bị cáo [Hoàng Quang P](#)) nộp tổng số tiền 80.000.000 đồng; ngày 28/10/2024 [Hoàng Văn T1](#) nộp số tiền 2.000.000 đồng; ngày 29/10/2024 [Ma Văn H5](#) nộp số tiền 2.000.000 đồng và ngày 18/7/2024, ông [Vi Quang T8](#) (chồng của bị cáo [Chu Thị T6](#)) nộp số tiền 60.000.000 đồng. Do đó, các bị cáo [P](#), [C](#), [T1](#), [X](#), [H3](#), [T6](#) và [H5](#) đều được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS đó là “*Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại*” và *Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”.

Đối với bị cáo [Dương Văn X](#) là người có công với nước, là người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học và được hưởng chế độ bệnh binh và được Nhà nước tặng thưởng 03 Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng nhất, nhì và ba. Do vậy, bị cáo [X](#) còn được hưởng thêm 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v, x khoản 1 Điều 51 BLHS đó là “*Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong chiến đấu, công tác*” và “*Người phạm tội là người có công với cách mạng*”. Bị cáo [Hoàng Quang P](#) được tặng Bằng khen của [Tỉnh Đoàn Bắc K](#), nên được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 BLHS đó là “*Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong chiến đấu, công tác*”.

Bị cáo [Hoàng Quang P](#) có ông ngoại là ông [Hoàng Duy B](#) là Liệt sỹ được Nhà nước tặng Bằng tổ quốc ghi công; Bị cáo [Hoàng Văn T1](#) có bố đẻ là ông [Hoàng T2](#) là người có công với nước và đang hưởng chế độ thương binh; Bị cáo [Chu Thị T6](#) có bố đẻ là ông [Chu Đức T21](#) là người có công với nước được hưởng chế độ “*Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học*” và được tặng thưởng nhiều Giấy khen, Bằng khen, Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng nhì, Huy hiệu 45 năm tuổi đảng và mẹ đẻ là bà [La Thị M1](#) nhiều lần được Chủ tịch [UBND huyện B](#) tặng Giấy khen do đã có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong công tác các năm 2014, 2019; bị cáo [Ma Văn H5](#) có bố đẻ là ông [Ma Văn Đ](#) được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất và bản thân trong quá trình công tác được được Huyện ủy và [UBND huyện B](#) tặng nhiều Giấy khen, danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở, Lao động tiên tiến do đã có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ công tác các năm 2010, 2013-2016, 2021, 2024; bị cáo [Vũ Tiến H3](#) được Ban chấp hành công đoàn ngành Giao thông vận tải tỉnh Bắc Kạn tặng Giấy khen năm 2009 và có vợ nhiều năm đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở, được [Liên đoàn lao động huyện B](#) tặng nhiều Giấy khen; vợ bị cáo [Mac Văn C](#) là [Lý Thị L1](#) được Chủ tịch [UBND huyện B](#) và Chủ tịch [UBND thị trấn C](#) tặng nhiều Giấy khen. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay, đại diện [UBND huyện B](#) và Ban QLDA xin giảm nhẹ hình phạt cho tất

cả các bị cáo trong vụ án. Do vậy, các bị cáo [P](#), [C](#), [T1](#), [X](#), [H3](#), [T6](#) và [H5](#) đều được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Căn cứ vào phân tích, đánh giá như trên và yêu cầu, nhiệm vụ đấu tranh phòng, chống tội phạm tại địa phương, HĐXX xét thấy:

Đối với bị cáo [Hoàng Quang P](#) và bị cáo [Chu Thị T6](#) cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS. Do vậy, áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS để xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với tội “*Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ*”, điều này thể hiện được tính nhân văn, khoan hồng trong chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước, đồng thời HĐXX sẽ cân nhắc quyết định mức hình phạt phù tù có thời hạn phù hợp để đảm bảo tính răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Đối với các bị cáo [Mac Văn C](#), [Hoàng Văn T1](#) và [Vũ Tiến H3](#) có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Hơn nữa, bị cáo Cầu là lao động chính trong gia đình, hiện đang nuôi 02 con nhỏ, trong đó có 01 con sinh năm 2012 bị khuyết tật; bố đẻ bị cáo là ông [Mac Văn H](#) là người khuyết tật đặc biệt nặng. Do vậy, cho các bị cáo được hưởng án treo, chịu sự giám sát giáo dục của chính quyền địa phương thì vẫn đảm bảo tính răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Đối với bị cáo [Dương Văn X](#) và [Ma Văn H5](#) có nhiều tình tiết giảm nhẹ và có nơi cư trú rõ ràng, nên không nhất thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội, mà cho cải tạo không giam giữ dưới sự quản lý của chính quyền địa phương cũng đủ điều kiện giáo dục các bị cáo. Bị cáo [X](#) là người có công với nước, đang được hưởng chế độ chính sách của Nhà nước. Do vậy, HĐXX xét thấy cần miễn khấu trừ một phần thu nhập của bị cáo [X](#). Đối với bị cáo [Ma Văn H5](#) hiện đang là chuyên viên của [Ban Dân tộc huyện B](#), có thu nhập ổn định, nên cần khấu trừ 05% thu nhập trên cơ sở lương, thu nhập được Cơ quan chi trả.

[5] Về hình phạt bổ sung: Đối với các bị cáo [Hoàng Quang P](#), [Mac Văn C](#), [Hoàng Văn T1](#), [Ma Văn H5](#) và [Chu Thị T6](#) là người có chức vụ, quyền hạn thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần áp dụng hình phạt bổ sung cấm đảm nhiệm chức vụ, quyền hạn một thời gian nhất định.

Các bị cáo [Dương Văn X](#) và [Vũ Tiến H3](#) không có chức vụ, quyền hạn trong các cơ quan, đơn vị Nhà nước, là đại diện các doanh nghiệp kinh doanh, phát triển kinh tế hạ tầng tại địa phương, đây là nghề nghiệp chính của các bị cáo, bản thân các bị cáo cũng tạo công ăn việc làm cho người lao động địa phương. Quá trình điều tra, các bị cáo cũng tự nguyện nộp tiền khắc phục triệt để hậu quả. Do đó, xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với hai bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra [UBND huyện B](#) đã có đơn yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại tài sản cho Nhà nước. Tại phiên tòa, người đại diện nguyên đơn dân sự giữ nguyên yêu cầu bồi thường, cụ thể: Yêu cầu các bị cáo thực hiện hành vi “*Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng*” và “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*” trong công trình [đường B - Pắc N](#) phải bồi thường số tiền 170.892.911 đồng. Các bị cáo thực hiện hành vi “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*” trong vụ án, phải bồi thường số tiền 124.745.000 đồng.

Tại phiên tòa các bị cáo tự nguyện thỏa thuận bồi thường khắc phục hậu quả số tiền 170.892.911 đồng, trong đó: [Dương Văn X](#) bồi thường 86.892.911 đồng; [Mac Văn C](#) bồi thường số tiền 10.000.000 đồng; [Vũ Tiến H3](#) bồi thường số tiền 50.000.000 đồng; [Hoàng Quang P](#) bồi thường số tiền 20.000.000 đồng; [Hoàng Văn T1](#) bồi thường số tiền 2.000.000 đồng; [Ma Văn H5](#) bồi thường số tiền 2.000.000 đồng. HĐXX xét thấy, việc thỏa thuận trên của các bị cáo là có căn cứ, không trái pháp luật nên được chấp nhận.

Đối với số tiền 124.745.000 đồng thiệt hại do hành vi “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*” của [Hoàng Quang P](#) và [Chu Thị T6](#). Quá trình điều tra, ông [Phùng Xuân T13](#), Giám đốc [Trung tâm T25](#) tự nguyện nộp lại số tiền 4.800.000 đồng để bồi thường. Tại phiên tòa, bị cáo [P](#) và [T6](#) tự nguyện thỏa thuận bồi thường khắc phục hậu quả, cụ thể: Bị cáo [P](#) bồi thường số tiền 59.972.500 đồng, bị cáo [T6](#) bồi thường số tiền 59.972.500 đồng. HĐXX xét thấy, việc thỏa thuận, tự nguyện trên của các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ, không trái pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng:

7.1 Tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án hồ sơ, tài liệu liên quan tới hoạt động lập không chứng từ thanh toán và hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc chỉnh sửa hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, biên bản kiểm tra hiện trường, các chứng từ, tài liệu liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo;

7.2 Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8plus và 01 máy tính laptop Sony thu giữ của bị cáo [Chu Thị T6](#). Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định [T6](#) sử dụng chiếc điện thoại và máy tính trên để thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần tịch thu hóa giá sung vào ngân sách Nhà nước;

7.3 Đối với số tiền các bị cáo, người nhà bị cáo (nộp hộ) đã tự nguyện nộp vào Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn để bồi thường khắc phục hậu quả, xét thấy cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho các bị cáo.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn và người bào chữa: Xét thấy, các căn cứ, lập luận và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật, được chấp nhận.

[9] Trong vụ án còn có nội dung:

9.1 Đối với ông [Phùng Xuân T13](#), sinh năm 1968, trú tại [Tổ G, phường Đ, thành phố B](#) là Giám đốc [Trung tâm T25](#). Qua điều tra xác định, ông [T13](#) được [Chu Thị T6](#) đề nghị mua hàng hóa với Trung tâm và cần viết tăng số lượng, đơn giá lên để lấy tiền về chi những khoản chi không được quyết toán. Sau đó, ông [T13](#) giao cho nhân viên là bà [Bùi Thị T14](#), sinh năm 1987, trú tại [tổ A, phường P, thành phố B](#) liên hệ với [T6](#) để báo giá. Sau khi được Ban QLDA thanh toán tiền, thì ông [T13](#) sẽ chuyển tiền vào tài khoản của [T6](#). Số tiền [Trung tâm T25](#) viết tăng thêm là 55.365.000 đồng, ông [T13](#) có thu số tiền 4.925.000 đồng, ông [T13](#) không được Thuyên trao đổi số tiền đó được sử dụng như thế nào. Việc ông [T13](#) viết khống 04 hóa đơn bán hàng cho Ban QLDA vào năm 2020, 2021 và thu số tiền 4.925.000 đồng không đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép hóa đơn” quy định tại Điều 203 BLHS, ngoài ra ông [T13](#) đã tự nguyện nộp lại số tiền 4.800.000 đồng. Đối với bà [T14](#), nhân viên [Trung tâm T25](#). Qua điều tra xác định, bà [T14](#) được ông [T13](#) chỉ đạo liên hệ với [T6](#) để trao đổi thông tin, báo giá, chứng từ thanh toán các sản phẩm mà Ban QLDA mua, bằng hình thức gửi gmail, gọi điện thoại trao đổi với [T6](#) và được yêu cầu viết tăng số lượng, giá các mặt hàng Ban QLDA mua. Bản thân bà [T14](#) không biết việc [T6](#) sử dụng số tiền viết tăng để làm mục đích gì. Bản thân không được bàn bạc hay hưởng lợi từ việc làm của [T6](#). Nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với ông [T13](#) và bà [T14](#) là có căn cứ;

9.2 Đối với ông [Hoàng Văn N1](#), sinh năm 1989, trú tại [Tiểu khu I, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bắc Kan](#). Qua điều tra xác định, ông [N1](#) là chủ hộ kinh doanh mua bán, sửa chữa máy vi tính, photo coppy, máy in, thiết bị văn phòng. Từ năm 2020 đến năm 2022, ông [N1](#) có cung cấp các thiết bị văn phòng, sửa chữa máy vi tính, máy in, máy văn phòng cho Ban QLDA. Trong quá trình đó, [Chu Thị T6](#) có trao đổi với ông [N1](#) viết tăng giá trị tiền ở 07 hóa đơn bán hàng. Sau khi được [T6](#) làm thủ tục thanh toán, thì ông [N1](#) đã chuyển khoản cho [T6](#) số tiền 69.380.000 đồng, ông [N1](#) không thu khoản phí nào và cũng không được hưởng lợi từ việc làm của [T6](#). Hành vi của ông [N1](#) không đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép hóa đơn” quy định tại Điều 203 BLHS. Do đó, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là phù hợp;

9.3 Đối với ông [Dương Văn C3](#), Chủ tịch [UBND xã Đ](#). Qua điều tra xác định: Khi được [Mac Văn C](#) mang Biên bản kiểm tra hiện trường ngày 11/5/2021 của công trình [đường B - Pác N](#) đến ký xác nhận. Quá trình ký xác nhận, ông [C3](#) được [C](#) thông báo mục đích là để bổ sung hồ sơ. Bản thân ông [C3](#) không biết cụ thể biên bản trên để làm gì và khi ký không xem nội dung biên bản, không biết biên bản đó là để làm căn cứ điều chỉnh, bổ sung công trình. Nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ;

9.4 Đối với ông [Lưu Quốc T12](#), sinh năm 1977, trú tại [Tổ A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kan](#). Qua điều tra xác định: Từ tháng 09/2020 đến 11/2023, ông [T12](#) làm Chủ tịch [UBND huyện B](#) và trong thời điểm trên đã thay mặt UBND huyện ký Quyết định điều chỉnh, bổ sung khối lượng 01 bên kè đá tại công trình

[đường B - Pác N](#) theo đề nghị của Ban QLDA và Phòng Kinh tế và Hạ tầng. Tuy nhiên, trước khi ký quyết định ông [T12](#) đã có công văn giao cho Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện là cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc UBND huyện thẩm định và tham mưu, khi Ban QLDA có văn bản đề nghị [U1](#) điều chỉnh bổ sung dự án, điều chỉnh bổ sung báo cáo kinh tế - kỹ thuật. Việc này là đúng quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng. Quá trình kiểm tra hiện trường, các cơ quan thẩm định đã làm sai lệch hồ sơ, sai lệch kết quả thẩm định. Tất cả hồ sơ, tài liệu cơ quan thẩm định và đơn vị có liên quan lập và chỉnh sửa để đảm bảo đủ căn cứ điều chỉnh, bổ sung quy định trong Luật xây dựng trước khi trình ông [T12](#) ký quyết định phê duyệt. Ông [T12](#) không biết hồ sơ bản vẽ thiết kế ban đầu có 02 kè đá và không biết các kết quả kiểm tra và báo cáo thẩm định của phòng Kinh tế và Hạ tầng và các đơn vị có liên quan đã chỉnh sửa làm sai lệch, nên đã ký quyết định điều chỉnh, bổ sung dự án, điều chỉnh báo cáo kinh tế kỹ thuật. Do đó, xác định ông [T12](#) với tư cách là Chủ tịch [UBND huyện B](#) quá trình thực hiện nhiệm vụ đã làm đúng quy trình và hết trách nhiệm. Bản thân ông không biết các cơ quan tham mưu, quá trình lập đã làm sai lệch các tài liệu và tham mưu không đúng cho [UBND huyện B](#) và cá nhân ông là Chủ tịch [UBND huyện B](#) trong việc ký quyết định điều chỉnh, bổ sung dự án, điều chỉnh báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình nêu trên. Do đó, Cơ quan điều tra không xem xét hành vi “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*” quy định tại khoản 1 Điều 360 BLHS đối với ông [T12](#) là đúng quy định;

9.5 Đối với [Hoàng Thị T15](#), [Triệu Đức P1](#) và [Ma Quang H7](#) là những người được [Chu Thị T6](#) đưa chứng từ thanh toán liên quan đến việc mua điều hòa, tủ lạnh, máy scan, sửa chữa, thay thế thiết bị máy phô tô, linh kiện máy vi tính, máy in văn phòng cho ký đề xuất và hóa đơn bán hàng, giấy đề nghị thanh toán. Qua điều tra xác định các cá nhân trên không được [T6](#) trao đổi việc nâng không tiền ở các chứng từ thanh toán và sử dụng tiền cụ thể như thế nào, bản thân không được bàn bạc hay hưởng lợi từ việc làm của [T6](#). Nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo [Hoàng Quang P](#) phạm tội “Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng” và tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”; các bị cáo [Mạc Văn C](#), [Hoàng Văn T1](#), [Dương Văn X](#) và [Vũ Tiến H3](#) phạm tội “Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng”; bị cáo [Chu Thị T6](#) phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”; bị cáo [Ma Văn H5](#) phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

1.1 Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 224; điểm b, s và v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 38 BLHS. Xử phạt bị cáo [Hoàng Quang P](#) 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng”.

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 356; điểm b, s và v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54; Điều 50; Điều 38 BLHS. Xử phạt bị cáo [Hoàng Quang P](#) 24 (Hai mươi tư) tháng tù về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Cấm bị cáo [Hoàng Quang P](#) đảm nhiệm chức vụ liên quan đến đầu tư, xây dựng và tài chính trong thời gian 02 (Hai) năm, kể từ ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

Áp dụng Điều 55 BLHS buộc bị cáo [Hoàng Quang P](#) phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 21/01/2024 đến ngày 31/5/2024. Cấm bị cáo [P](#) đảm nhiệm chức vụ liên quan đến đầu tư, xây dựng và tài chính trong thời gian 02 (Hai) năm, kể từ ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

1.2 Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54; Điều 50; Điều 38 BLHS. Xử phạt bị cáo [Chu Thi T6](#) 24 (Hai mươi tư) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 17/4/2024 đến ngày 09/9/2024. Cấm bị cáo [T6](#) đảm nhiệm chức vụ liên quan đến công tác tài chính, kế toán trong thời gian 02 (Hai) năm, kể từ ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

1.3 Áp dụng điểm b khoản 1, khoản 4 Điều 224; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 50; Điều 65 BLHS. Xử phạt bị cáo [Mac Văn C](#) 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi tư) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho [UBND xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kan](#) giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Cấm bị cáo [C](#) đảm nhiệm chức vụ liên quan đến đầu tư, xây dựng trong thời gian 02 (Hai) năm, kể từ ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

1.4. Áp dụng điểm b khoản 1, khoản 4 Điều 224; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 38; Điều 65 BLHS. Xử phạt bị cáo [Hoàng Văn T1](#) 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi tư) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho [UBND xã H, huyện B, tỉnh Bắc Kan](#) giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Cấm bị cáo [T1](#) đảm nhiệm chức vụ liên quan đến đầu tư, xây dựng trong thời gian 02 (Hai) năm, kể từ ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

1.5. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 224; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 38; Điều 65 BLHS. Xử phạt bị cáo [Vũ Tiến H3](#) 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi tư) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho [UBND phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kan](#) giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của Bản án trước và tổng hợp với hình phạt của Bản án mới theo quy định tại Điều 56 của BLHS.

1.6. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 224; điểm b, s, v và x khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 36 BLHS. Xử phạt bị cáo [Dương Văn X](#) 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh nhận được Quyết định thi hành án. Giao bị cáo [X](#) cho [UBND thị trấn C](#), [huyện B](#), [tỉnh Bắc Kạn](#) để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ; Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

1.7. Áp dụng điểm d khoản 1, khoản 4 Điều 360; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 36 BLHS. Xử phạt bị cáo [Ma Văn H5](#) 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh nhận được Quyết định thi hành án. Giao bị cáo [H5](#) cho [UBND thị trấn C](#), [huyện B](#), [tỉnh Bắc Kạn](#) để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ; Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Khấu trừ thu nhập đối với bị cáo [H5](#) 5% (Năm phần trăm) x 13.980.000đ/tháng (Mười ba triệu, chín trăm tám mươi nghìn đồng/tháng) = 699.000đ/tháng (Sáu trăm chín mươi chín nghìn đồng/tháng) trong thời gian cải tạo không giam giữ để sung quỹ Nhà nước. Cấm bị cáo [H5](#) đảm nhiệm chức vụ liên quan đến đầu tư, xây dựng trong thời gian 02 (Hai) năm, kể từ ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt cải tạo không giam giữ.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS; các Điều 288, 584, 585, 586, 587 và 589 Bộ luật Dân sự.

2.1 Buộc các bị cáo [Hoàng Quang P](#), [Mạc Văn C](#), [Hoàng Văn T1](#), [Dương Văn X](#), [Vũ Tiến H3](#) và [Ma Văn H5](#) có trách nhiệm liên đới bồi thường số tiền 170.892.911đ (Một trăm bảy mươi triệu, tám trăm chín mươi hai nghìn, chín trăm mười một đồng) cho [Ủy ban nhân dân huyện B](#), tỉnh Bắc Kạn. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường của các bị cáo, cụ thể như sau: Bị cáo [P](#) bồi thường số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng); bị cáo [Mạc Văn C](#) bồi thường số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng); bị cáo [T1](#) bồi thường số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng); bị cáo [X](#) bồi thường số tiền 86.892.911đ ([T22](#) mươi sáu triệu, tám trăm chín mươi hai nghìn, chín trăm mười một đồng); bị cáo [H3](#) bồi thường số

tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng); bị cáo [Ma Văn H5](#) bồi thường số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

2.2 Buộc các bị cáo [Hoàng Quang P](#) và [Chu Thị T6](#) có trách nhiệm liên đới bồi thường số tiền 119.945.000đ (Một trăm mười chín triệu, chín trăm bốn mươi năm nghìn đồng) và ông [Phùng Xuân T13](#) có trách nhiệm bồi thường số tiền 4.800.000đ (Bốn triệu, tám trăm nghìn đồng) cho Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường của các bị cáo [P](#) và [T6](#) như sau: Bị cáo [P](#) bồi thường số tiền 59.972.500đ (Năm mươi chín triệu, chín trăm bảy mươi hai nghìn, năm trăm đồng); bị cáo [T6](#) bồi thường số tiền 59.972.500đ (Năm mươi chín triệu, chín trăm bảy mươi hai nghìn, năm trăm đồng).

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

3.1 Tịch thu hóa giá sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8plus, màu vàng, số seri FD3VX03HJCM6, số IMEI 356735083321118 và 01 (một) máy tính laptop nhãn hiệu Sony (VAIO), màu đen đã qua sử dụng của bị cáo [Chu Thị T6](#).

(Tình trạng vật chứng theo như biên bản giao nhận giữa Công an tỉnh B và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn)

3.2 Tạm giữ các khoản tiền do các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người nhà nộp thay tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn để đảm bảo thi hành án. Cụ thể: Bị cáo [Dương Văn X](#) nộp số tiền 170.892.911đ (Một trăm bảy mươi triệu, tám trăm chín mươi hai nghìn, chín trăm mười một đồng) theo biên lai thu tiền số 0000024 ngày 04/3/2024; bị cáo [Mac Văn C](#) nộp số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0000195 ngày 15/10/2024; bị cáo [Vũ Tiến H3](#) nộp số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0000198 ngày 16/10/2024; bị cáo [Hoàng Văn T1](#) nộp số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0000256 ngày 28/10/2024; bị cáo [Ma Văn H5](#) nộp số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0000257 ngày 29/10/2024; bị cáo [Chu Thị T6](#) nộp số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng), do ông [Vi Quang T8](#) là chồng của bị cáo [T6](#) nộp hộ theo biên lai thu tiền số 0000158 ngày 18/7/2024; bị cáo [Hoàng Quang P](#) nộp số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng), bà [Trần Thị L](#) là vợ của bị cáo [P](#) nộp hộ theo biên lai thu tiền số 0000186 ngày 08/10/2024 và biên lai thu tiền số 0000225 ngày 21/10/2024; ông [Phùng Xuân T13](#) nộp số tiền 4.800.000đ (Bốn triệu, tám trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000255 ngày 28/10/2024. Số tiền còn thừa sau khi thi hành án (nếu có) thì trả lại cho bị cáo.

4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo [Hoàng Quang P](#), [Mac Văn C](#), [Hoàng Văn T1](#), [Dương Văn X](#), [Vũ Tiến H3](#), [Chu Thị T6](#) và [Ma Văn H5](#) mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 – TANDTC;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh;
- Phòng CS kinh tế CA tỉnh;
- THAHS;
- Cục THADS tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Kạn;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Khánh Phương